

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-619A INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-619A BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số hồ sơ

In The General Court Of Justice  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án

County \_\_\_\_\_ Seat of Court \_\_\_\_\_  
Quận \_\_\_\_\_ Thành Phố của Tòa Án \_\_\_\_\_

District  Superior Court Division  
Khu Vực Thượng Thẩm

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

CONDITIONAL DISCHARGE UNDER G.S. 90-96(a)  
(For Offenses Committed Before Dec. 1, 2009)

XÓA BẢN ÁN CÓ ĐIỀU KIỆN THEO G.S. 90-96(a)  
(Dùng cho các tội vi phạm trước  
ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2009)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

Drivers License No.  
Số bằng lái

State  
Tiểu bang

Race  
Chủng tộc

Sex  
Giới tính

Date Of Birth (mm/dd/yyyy)  
Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

Full Social Security No.  
Số an sinh xã hội đầy đủ

Age At Time Of Offense  
Tuổi lúc phạm tội

Attorney For State  
Luật sư đại diện cho tiểu bang

Def. Found Not Indigent  
Bị cáo không phải là người nghèo  
 Def. Waived Attorney  
Bị cáo từ bỏ quyền có luật sư

Attorney For Defendant  
Luật sư của bị cáo

Appointed  
Được chỉ định  
 Retained  
Được thuê

G.S. 90-96(a)  
G.S. 90-96(a)

Crt Rptr Initials  
Chữ ký tắt của  
tóc ký viên

The defendant was found guilty/responsible, pursuant to  plea ( pursuant to *Alford*) ( of no contest)  trial by judge  trial by jury, of  
Bị cáo đã được xác nhận có tội/chiếu trách nhiệm thông qua việc  tự nhận tội ( theo kiểu *Alford*) ( theo kiểu không chối tội)  bị Tòa Án phán  
quyết có tội  bị bồi thẩm đoàn phán quyết có tội

File No.(s) (Các) số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date Ngày vi phạm	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội

FINDINGS  
CÁC SỰ VIỆC ĐƯỢC XÁC NHẬN

The Court finds  
Tòa Án này xác nhận rằng

- the defendant has not previously been convicted of any felony offense under any State or federal laws, of any offense under Article 5 of Chapter 90 of the General Statutes, or any offense under any statute of the United States or any state related to those substances included in Article 5 or 5A of Chapter 90 or to that paraphernalia included in Article 5B of Chapter 90.  
bị cáo này chưa bị kết án bất cứ tội đại hình nào quy định trong luật của tiểu bang hay liên bang, hoặc bất cứ tội nào quy định trong Điều 5, Chương 90 của Bộ Luật Chung, hoặc bất cứ tội nào quy định trong bất cứ điều luật nào của nước Mỹ hay các tiểu bang liên quan đến những chất liệt kê trong Điều 5 hay 5A của Chương 90, hoặc đến những đồ sử dụng ma túy liệt kê trong Điều 5B của Chương 90.
- the defendant pled guilty to or was found guilty of  
bị cáo đã nhận tội, hoặc bị kết tội  
 a misdemeanor under Article 5 by possessing a controlled substance included within Schedules I through VI of Article 5.  
tiểu hình theo Điều 5 do chứa chấp một chất quốc cấm được liệt kê trong các Bảng I đến VI trong Điều 5.  
 a misdemeanor under Article 5B by possessing drug paraphernalia as prohibited by G.S. 90-113.22.  
tiểu hình theo Điều 5B do chứa chấp đồ sử dụng ma túy bị cấm theo G.S. 90-113.22.  
 a felony under G.S. 90-95(a)(3).  
đại hình theo G.S. 90-95(a)(3).
- the defendant has not previously received a discharge and dismissal under G.S. 90-96 or G.S. 90-113.14.  
bị cáo trước đây chưa bao giờ được tha miễn hình phạt và xóa bỏ bản án chiếu theo G.S. 90-96 hoặc G.S. 90-113.14.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ở vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

**DEFERRAL OF PROCEEDINGS AND PLACEMENT ON PROBATION  
HOÃN TỐ TỤNG VÀ LỆNH QUẢN CHẾ**

1. The Court, without entering a judgment of guilt and with the consent of the defendant as indicated by the defendant's signature on the reverse, Orders that further proceedings in this matter be deferred and places the defendant on  supervised  unsupervised probation for \_\_\_\_\_ months (max. of 2 years, G.S. 15A-1342(a)) as provided for a  community punishment.  intermediate punishment (AOC-CR-603A, Page Two, required). Sau khi bị cáo đồng ý bằng cách ký tên ở mặt sau mẫu này, Tòa Án quyết định không phán quyết có tội mà thay vì đó ra Lệnh hoãn lại các thủ tục tố tụng tiếp theo trong vụ án này để cho bị cáo tham gia chương trình quản chế  có giám sát  không có giám sát trong \_\_\_\_\_ tháng (tối đa 2 năm, G.S. 15A-1342(a)) theo quy định về việc  phạt trong cộng đồng.  phạt trung cấp (phải điền trang hai của mẫu AOC-CR-603A).
2. The Court finds that it is NOT appropriate to delegate to the Section of Community Corrections the authority to impose any of the requirements in G.S. 15A-1343.2(e) for community punishment or G.S. 15A-1343.2(f) for intermediate punishment.  
Tòa Án xác nhận rằng việc ủy quyền cho Phần Bộ Cải Huấn Tại Ngoại áp đặt các hình phạt trong cộng đồng theo G.S. 15A-1343.2(e) hoặc hình phạt trung cấp theo G.S. 15A-1343.2(f) là KHÔNG thích hợp.
3. The Court finds that a  longer  shorter period of probation is necessary than that which is specified in G.S. 15A-1343.2(d).  
Tòa Án xác nhận cần có thời gian quản chế  lâu hơn  ngắn hơn thời gian quy định trong điều G.S. 15A-1343.2(d).
4. The defendant shall provide a DNA sample pursuant to G.S. 15A-266.4. (AOC-CR-319 required)  
Bị cáo sẽ cung cấp một mẫu DNA chiếu theo điều G.S. 15A-266.4. (Phải điền mẫu AOC-CR-319)
5. Upon violation of a term or condition of probation by the defendant, the Court reserves the authority to enter an adjudication of guilt and proceed as otherwise provided against the defendant. Upon fulfillment of the terms and conditions by the defendant, the Court shall discharge the defendant and dismiss the proceedings against the defendant.  
Nếu bị cáo vi phạm một điều khoản hay điều kiện của lệnh quản chế, Tòa Án có quyền phán quyết rằng bị cáo có tội và tiếp tục xử lý vụ án theo quy định. Nếu bị cáo hoàn thành các điều khoản và điều kiện, Tòa Án sẽ cho tha miễn hình phạt và xóa bỏ bản án của bị cáo.
6. Except as ordered to appear earlier for a hearing on alleged violation(s) or as otherwise ordered by the Court, the defendant shall return to this Court on (date (mm/dd/yyyy)) \_\_\_\_\_ for a hearing to determine fulfillment of the terms and conditions of probation.  
Trừ trường hợp Tòa Án ra lệnh hầu tòa sớm hơn vì cho rằng bị cáo đã vi phạm lệnh quản chế hoặc vì một lý do khác, nếu không bị cáo phải trở lại Tòa Án này vào (ngày (tháng/ngày/năm)) \_\_\_\_\_ để tham gia phiên tòa xác định xem bị cáo đã hoàn thành các điều khoản và điều kiện của lệnh quản chế hay không.

**MONETARY CONDITIONS  
CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ CHI PHÍ**

The defendant shall pay to the Clerk of Superior Court the "Total Amount Due" shown below, plus the probation supervision fee, if placed on supervised probation above, pursuant to a schedule  determined by the probation officer.  set out by the court as follows: \_\_\_\_\_

Bị cáo sẽ thanh toán cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm số tiền ghi trong mục "Tổng số tiền phải trả" dưới đây, cộng với chi phí giám sát trong thời gian quản chế (nếu trên đây ghi là ra lệnh quản chế có giám sát)  theo lịch do nhân viên quản chế quyết định.  theo quy định của Tòa Án như sau: \_\_\_\_\_

Costs Án phí	Fine Tiền phạt	Restitution* Tiền bồi thường*	Attorney's Fees Chi phí luật sư	Comm Serv Fee Chi phí phục vụ cộng đồng	EHA Fee Lệ phí thiết bị điện tử theo dõi quản thúc tại gia (EHA)	Appt Fee/Misc Lệ phí xếp hẹn/Lệ phí khác	Total Amount Due Tổng số tiền phải trả
\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$

- \*See attached "Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing)" AOC-CR-611, which is incorporated by reference.  
\*Xem mẫu AOC-CR-611, "Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu)," được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.
- The Court finds just cause to waive costs, as ordered on the attached  AOC-CR-618.  Other: \_\_\_\_\_  
Tòa Án xác nhận rằng có cơ sở chính đáng để cho miễn đóng các chi phí theo lệnh ở mẫu đính kèm  AOC-CR-618.  Mẫu khác: \_\_\_\_\_
- Upon payment of the "Total Amount Due," the probation officer may transfer the defendant to unsupervised probation.  
Khi "Tổng số tiền phải trả" được thanh toán đầy đủ, nhân viên quản chế có thể chuyển bị cáo sang diện quản chế không có giám sát.

**REGULAR CONDITIONS OF PROBATION - G.S. 15A-1343(b)  
CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ THÔNG THƯỜNG - G.S. 15A-1343(b)**

**NOTE:** Any probationary judgment may be extended pursuant to G.S. 15A-1342. The defendant shall: (1) Commit no criminal offense in any jurisdiction. (2) Possess no firearm, explosive device, or other deadly weapon listed in G.S. 14-269. (3) Remain gainfully and suitably employed or faithfully pursue a course of study or vocational training, that will equip the defendant for suitable employment, and abide by all rules of the institution. (4) Satisfy child support and family obligations, as required by the Court. If the defendant is on supervised probation, the defendant shall also: (5) Remain within the jurisdiction of the Court unless granted written permission to leave by the Court or the probation officer. (6) Report as directed by the Court or the probation officer to the officer at reasonable times and places and in a reasonable manner, permit the officer to visit at reasonable times, answer all reasonable inquiries by the officer and obtain prior approval from the officer for, and notify the officer of, any change in address or employment. (7) Notify the probation officer if the defendant fails to obtain or retain satisfactory employment. (8) At a time to be designated by the probation officer, visit with the probation officer a facility maintained by the Section of Prisons.

**LƯU Ý:** Bất kỳ lệnh quản chế nào đều có thể được gia hạn theo điều G.S. 15A-1342. Bị cáo phải: (1) Không phạm tội hình sự ở bất kỳ khu vực nào. (2) Không có súng, chất nổ hoặc bất kỳ vũ khí gây chết người nào khác được ghi trong điều G.S. 14-269. (3) Tiếp tục duy trì việc làm phù hợp và có lương, hoặc kiên trì theo đuổi một chương trình học tập hay huấn nghệ trang bị đầy đủ kiến thức để bị cáo có thể kiếm được việc làm phù hợp, và luôn tuân thủ tất cả các nội quy của nơi học tập. (4) Đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ gia đình và cấp dưỡng con; theo lệnh của Tòa Án. Nếu bị cáo thuộc diện quản chế có giám sát thì cũng phải: (5) Không ra khỏi khu vực thẩm quyền của Tòa Án trừ phi được Tòa Án hoặc nhân viên quản chế cho phép bằng văn bản. (6) Tuân theo chỉ thị của Tòa Án hoặc nhân viên quản chế về việc trình báo cho nhân viên tại những thời điểm và địa điểm hợp lý cũng như bằng cách thức hợp lý; cho phép nhân viên đến thăm mình vào những lúc hợp lý; trả lời tất cả các câu hỏi hợp lý của nhân viên; và thông báo để được nhân viên cho phép trước nếu cần thay đổi địa chỉ hoặc việc làm. (7) Thông báo cho nhân viên quản chế nếu bị cáo không tìm kiếm hoặc duy trì được công việc làm thỏa đáng. (8) Cùng với nhân viên quản chế đến thăm một cơ sở của Cục Quản Lý Nhà Tù vào thời gian do nhân viên quản chế chỉ định.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**SPECIAL CONDITIONS OF PROBATION - G.S. 15A-1343(b1), 143B-704(c)  
CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ ĐẶC BIỆT - G.S. 15A-1343(b1), 143B-704(c)**

The defendant shall also comply with the following special conditions which the Court finds are reasonably related to the defendant's rehabilitation:  
Bị cáo cũng phải tuân thủ các điều kiện đặc biệt dưới đây mà Tòa Án xác nhận là có liên quan hợp lý đến quá trình phục hồi, cải huấn bị cáo:

9. Surrender the defendant's drivers license to the Clerk of Superior Court for transmittal/notification to the Division of Motor Vehicles and not operate a motor vehicle for a period of \_\_\_\_\_ or until relicensed by the Division of Motor Vehicles, whichever is later.  
Giao bằng lái của bị cáo cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm để chuyển đến/thông báo cho Nha Lộ Vận, và không lái xe cơ giới trong thời gian \_\_\_\_\_ hoặc cho tới khi Nha Lộ Vận phát lại bằng lái, tùy theo thời điểm nào đến sau.
10. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, and of the defendant's vehicle and premises while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  
 stolen goods  controlled substances  contraband  child pornography  \_\_\_\_\_  
Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ và nhà ở mà không cần xin trát khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích dưới đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  
 tìm hàng ăn cắp  tìm chất quốc cấm  tìm hàng lậu  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em  \_\_\_\_\_
11. Not use, possess, or control any illegal drug or controlled substance unless it has been prescribed for the defendant by a licensed physician and is in the original container with the prescription number affixed on it; not knowingly associate with any known or previously convicted users, possessors, or sellers of any illegal drugs or controlled substances; and not knowingly be present at or frequent any place where illegal drugs or controlled substances are sold, kept, or used.  
Không sử dụng, chứa chấp hoặc kiểm soát bất kỳ loại ma túy bất hợp pháp hoặc thuốc bị kiểm soát nào trừ phi chất đó được kê toa cho bị cáo bởi một bác sĩ có giấy phép hành nghề và còn chứa đựng trong lọ nguyên thủy với nhãn dán ghi rõ số toa thuốc; không cố ý giao tiếp với bất kỳ người nào đã từng bị kết án hoặc được biết là phạm tội sử dụng, chứa chấp hoặc buôn bán bất kỳ loại ma túy bất hợp pháp hay thuốc bị kiểm soát nào; và không cố ý có mặt hoặc đi lại bất kỳ nơi nào mà ma túy bất hợp pháp hay thuốc bị kiểm soát được bán, chứa hoặc sử dụng.
12. Supply a breath, urine, and/or blood specimen for analysis of the possible presence of a prohibited drug or alcohol, when instructed by the defendant's probation officer.  
Cho lấy mẫu hơi thở, nước tiểu và/hoặc máu theo yêu cầu của nhân viên quản chế để phân tích tìm các chất cấm như thuốc, ma túy hay chất cồn có thể có trong cơ thể của bị cáo.
13. Successfully pass the General Education Development Test (G.E.D.) during the first \_\_\_\_\_ months of the period of probation.  
Thi đỗ bài Kiểm Tra Kiến Thức Tổng Quát (G.E.D) trong \_\_\_\_\_ tháng đầu của thời gian quản chế.
14. Complete \_\_\_\_\_ hours of community or reparation service during the first \_\_\_\_\_ days of the period of probation, as directed by the judicial services coordinator and pay the fee prescribed by G.S. 143B-708  pursuant to the schedule set out under Monetary Conditions on the reverse.  within \_\_\_\_\_ days of this Conditional Discharge and before beginning service.  
Hoàn tất \_\_\_\_\_ giờ phục vụ cộng đồng, sửa sai trong vòng \_\_\_\_\_ ngày đầu tiên của thời gian quản chế theo chỉ dẫn của nhân viên điều phối dịch vụ tòa án, và trả phí được quy định trong G.S. 143B-708.  theo lịch được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí ở mặt sau.  trong vòng \_\_\_\_\_ ngày sau ngày ra lệnh Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện này và trước khi bắt đầu phục vụ cộng đồng.
15. Report for initial evaluation by \_\_\_\_\_ participate in all further evaluation, counseling, treatment, or education programs recommended as a result of that evaluation, and comply with all other therapeutic requirements of those programs until discharged.  
Trình diện tại \_\_\_\_\_ để tham dự cuộc thẩm định ban đầu, sau đó tham gia vào tất cả các chương trình thẩm định, tư vấn, điều trị hay giáo dục tiếp theo được khuyến nghị căn cứ vào kết quả của cuộc thẩm định đó, và tuân theo tất cả các yêu cầu trị liệu cho tới khi hoàn tất những chương trình đó.
16. Not assault, threaten, harass, be found in or on the premises or workplace of, or have any contact with \_\_\_\_\_.  
"Contact" includes any defendant-initiated contact, direct or indirect, by any means, including, but not limited to, telephone, personal contact, e-mail, pager, gift-giving, telefacsimile machine or through any other person, except \_\_\_\_\_.  
Không hành hung, hăm dọa, quấy nhiễu, không có mặt trong hoặc xung quanh chỗ ở hay sở làm của và không tiếp xúc bằng bất kỳ cách nào với \_\_\_\_\_.  
"Tiếp xúc" bao gồm tất cả các hình thức tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp mà bị cáo là người chủ động, bao gồm nhưng không giới hạn ở gọi điện thoại, tiếp xúc trực tiếp, qua email, máy nhắn, tặng quà, gửi fax hoặc nhắn tin qua bất kỳ người nào khác, trừ phi \_\_\_\_\_
17. Other:  
Điều kiện khác:
18. Comply with the Special Conditions Of Probation which are set forth on AOC-CR-603A, Page Two.  
Tuân thủ các Điều Kiện Quản Chế Đặc Biệt được ghi rõ ở trang hai của mẫu AOC-CR-603A.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

**SIGNATURE OF DEFENDANT  
CHỮ KÝ CỦA BỊ CÁO**

By signing below, the defendant consents to the foregoing Order deferring further proceedings and placing the defendant on probation.  
Với chữ ký của mình dưới đây, bị cáo đồng ý với Lệnh ghi trên hoãn lại các thủ tục tố tụng tiếp theo và cho bị cáo tham gia vào chương trình quản chế.

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Defendant  
Chữ ký của bị cáo

**SIGNATURE OF JUDGE  
CHỮ KÝ CỦA THẨM PHÁN**

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Presiding Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge  
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa

**CERTIFICATION  
CHỨNG NHẬN**

I certify that this Conditional Discharge Under G.S. 90-96(a) and the attachment(s) marked below is a true and complete copy of the original which is on file in this case.

Tôi xác nhận rằng lệnh Xóa Bản Án Có Điều Kiện Này theo G.S. 90-96(a), cùng với (các) văn bản đính kèm và đánh dấu dưới đây, đều là các bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

1. Judgment Suspending Sentence (AOC-CR-603A, Page Two) (additional conditions of probation)  
Phán Quyết Án Treo (trang hai, mẫu AOC-CR-603A) (các điều kiện quản chế bổ sung)
2. Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing) (AOC-CR-611)  
Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu) (AOC-CR-611)
3. Additional File No.(s) And Offense(s) (AOC-CR-626)  
(Các) Số Hồ Sơ và Tội Trạng Bổ Sung (AOC-CR-626)
4. Other: \_\_\_\_\_  
Văn bản khác: \_\_\_\_\_

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name (type or print)  
Tên họ (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Clerk  
Chữ ký của Lục Sự

Deputy CSC  
Phó LSTTT

Asst CSC  
Phụ tá LSTTT

Clerk of Superior Court  
Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

**SEAL  
ĐÓNG DẤU**

**NOTE TO CLERK:** Upon entry of a final order discharging the defendant and dismissing the charge(s) against him/her, forward a certified copy of this Conditional Discharge and the dismissal order (AOC-CR-622 or other order) to the Administrative Office of the Courts in the same manner as expunction orders.

**LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ:** Khi Tòa Án ban hành lệnh cuối cùng để tha miễn bị cáo và bác bỏ (các) tội trạng đã buộc, hãy chuyển một bản sao y bản chính của lệnh Xóa Bản Án Có Điều Kiện và lệnh bác bỏ tội trạng (AOC-CR-622 hoặc lệnh khác) đến Văn Phòng Hành Chính của Hệ Thống Tòa Án giống như đối với các lệnh xóa bỏ khác.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

**STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI**

File No.  
Số hồ sơ

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**INTERMEDIATE PUNISHMENTS  
CÁC HÌNH PHẠT TRUNG CẤP**

**NOTE:** Use this page with **AOC-CR-603A**, "Judgment Suspending Sentence - Felony"; **AOC-CR-604A**, "Judgment Suspending Sentence - Misdemeanor"; **AOC-CR-619A**, "Conditional Discharge Under G.S. 90-96(a)"; **AOC-CR-621A**, "Conditional Discharge Under G.S. 14-50.29"; **AOC-CR-627A**, "Conditional Discharge Under G.S. 90-96(a1)"; **AOC-CR-632A**, "Conditional Discharge Under G.S. 15A-1341(a4)"; or **AOC-CR-633A**, "Conditional Discharge Under G.S. 15A-1341(a5)"; for offenses committed before Dec. 1, 2009.

**LƯU Ý:** Sử dụng trang này cùng với mẫu **AOC-CR-603A**, "Phán Quyết Án Treo - Tội Đại Hình"; **AOC-CR-604A**, "Phán Quyết Án Treo - Tội Tiểu Hình"; **AOC-CR-619A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 90-96(a)"; **AOC-CR-621A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 14-50.29"; **AOC-CR-627A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 90-96(a1)"; **AOC-CR-632A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 15A-1341(a4)"; hoặc **AOC-CR-633A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 15A-1341(a5)"; dùng cho các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2009.

In addition to complying with the regular and any special conditions of probation set forth in the "Judgment Suspending Sentence" entered in the above case(s), the defendant shall also comply with the following special conditions of probation and conditions of special probation, which are defined as intermediate punishments by G.S. 15A-1340.11(6).

Ngoài việc tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường và đặc biệt (nếu có) được nêu trong mẫu "Phán Quyết Án Treo" đã ban hành trong (các) vụ án trên, bị cáo còn phải tuân thủ các điều kiện quản chế đặc biệt và điều kiện kết hợp phạt tù và quản chế dưới đây, mà được định nghĩa là các biện pháp trừng phạt trung cấp trong điều G.S. 15A-1340.11(6).

**1. Special Probation - G.S. 15A-1351**

**Bản Án Kết Hợp Phạt Tù Và Quản Chế - G.S. 15A-1351**

For the defendant's active sentence as a condition of special probation, the defendant shall comply with these additional regular conditions of probation: (1) Obey the rules and regulations of the Division of Adult Correction governing the conduct of inmates while imprisoned. (2) Report to a probation officer in the State of North Carolina within seventy-two (72) hours of the defendant's discharge from the active term of imprisonment.

Trong thời gian bị cáo thi hành phần án tù, muốn được cho hưởng phần án quản chế thì bị cáo phải tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường bổ sung dưới đây: (1) Tuân theo các quy định và quy chế của Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành về hành vi tù nhân trong suốt thời gian ở tù. (2) Trình diện với một nhân viên quản chế ở Tiểu Bang North Carolina trong vòng bảy mươi hai (72) tiếng sau khi bị cáo hoàn tất phần án tù và được tha tù.

A. Serve an active term of \_\_\_\_\_  days  months  hours in the custody of the  
 N.C. DAC.  Sheriff of this County.  Other: \_\_\_\_\_

A. Thi hành án tù là \_\_\_\_\_  ngày  tháng  giờ dưới sự quản lý của  Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành của NC.  Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt này.  Nơi khác: \_\_\_\_\_

(NOTE: Noncontinuous periods of special probation may not be served in DAC. Also, special probation imposed in misdemeanor sentences on or after Oct. 1, 2014, may not be served in DAC.)

(LƯU Ý: Các bản án phạt tù và quản chế trong các khoảng thời gian không liên tiếp không thể được thụ án tại DAC. Thêm vào đó, các bản án tiểu hình kết hợp phạt tù và quản chế được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười năm 2014 không được thụ án tại DAC.)

B. The defendant shall report in a sober condition to begin serving his/her term on:

B. Bị cáo phải trình diện trong tình trạng tỉnh táo để bắt đầu thi hành án tù vào:

Day Thứ trong tuần	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều
			<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều

and shall remain in custody until:  
và sẽ tiếp tục ở tù cho đến

Day Thứ trong tuần	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều
			<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều

C. The defendant shall again report in a sober condition to continue serving this term on the same day of the week for the next \_\_\_\_\_ consecutive weeks, and shall remain in custody during the same hours each week until completion of the active term ordered.

C. Trong \_\_\_\_\_ tuần tiếp theo, bị cáo sẽ trình diện lại vào cùng ngày đó hàng tuần trong tình trạng tỉnh táo để tiếp tục thi hành án tù, và sẽ ở tù theo cùng lịch nêu trên cho tới khi thi hành xong bản án tù đã tuyên.

D. This term shall be served at the direction of the probation officer within \_\_\_\_\_  days  months of this judgment.

D. Bản án này phải được thi hành theo chỉ thị của nhân viên quản chế trong vòng \_\_\_\_\_  ngày  tháng từ ngày ban hành phán quyết này.

E. Pay jail fees.  F. Work release is recommended.  G. Substance abuse treatment is recommended.

E. Thanh toán các chi phí nhà tù.  F. Đề nghị bị cáo tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.  G. Đề nghị bị cáo tham gia chương trình điều trị tình trạng lạm dụng chất gây nghiện.

H. Other:

H. Điều kiện khác:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ở vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

**2. Residential Program - G.S. 15A-1340.11(8); 15A-1343(b1)(2)**  
**Chương Trình Nội Trú - G.S. 15A-1340.11(8); 15A-1343(b1)(2)**

Attend or reside in \_\_\_\_\_ (name program) residential program for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and abide by all rules and after care regulations of that program.

Bị cáo tham gia hoặc ở lại tại chương trình nội trú \_\_\_\_\_ (tên chương trình) trong \_\_\_\_\_  ngày,  tháng, và tuân thủ tất cả các quy định nội trú cũng như các yêu cầu sau khi hoàn tất quá trình chăm sóc của chương trình đó.

Other:

Điều kiện khác:

**3. House Arrest With Electronic Monitoring - G.S. 15A-1340.11(4a); 15A-1343(b1)(3c)**  
**Quản Thúc Tại Gia Với Thiết Bị Theo Dõi Điện Tử - G.S. 15A-1340.11(4a); 15A-1343(b1)(3c)**

Be assigned to house arrest with electronic monitoring for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and submit to electronic monitoring and abide by all rules, regulations, and directions of the probation officer, regarding electronic monitoring, and pay the fees prescribed under G.S. 15A-1343(c2) pursuant to the schedule set out under Monetary Conditions.

Bị cáo đồng ý bị quản thúc tại gia với thiết bị theo dõi điện tử trong thời gian \_\_\_\_\_  ngày,  tháng, đồng ý đeo thiết bị điện tử và tuân theo tất cả các quy định, quy chế và hướng dẫn của nhân viên quản chế liên quan đến việc theo dõi điện tử, và đồng ý thanh toán các lệ phí quy định trong G.S. 15A-1343(c2) theo lịch được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí.

Other:

Điều kiện khác:

**4. Intensive Supervision Program - G.S. 15A-1340.11(5); 15A-1343(b1)(3b); 143B-704(c)**  
**Chương Trình Giám Sát Tập Trung - G.S. 15A-1340.11(5); 15A-1343(b1)(3b); 143B-704(c)**

Submit to supervision by officers assigned to the Intensive Probation Program established pursuant to G.S. 143B-704(c), for a period of \_\_\_\_\_ months (6 to 9 months recommended by the Section of Community Corrections), and comply with the rules adopted by that program.

Bị cáo đồng ý chịu sự giám sát của nhân viên Chương Trình Quản Chế Tập Trung được thành lập theo G.S. 143B-704(c) trong thời gian \_\_\_\_\_ tháng (Phân Bộ Cải Huấn Tại Ngoại đề nghị 6 đến 9 tháng), và tuân thủ các quy định của chương trình đó.

Other:

Điều kiện khác:

**5. Day Reporting Center - G.S. 15A-1340.11(3); 15A-1343(b1)(10); 15A-1340.11(6)**  
**Trung Tâm Trình Diện Định Kỳ - G.S. 15A-1340.11(3); 15A-1343(b1)(10); 15A-1340.11(6)**

Report as directed by the probation officer to the Day Reporting Center for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and abide by all rules and regulations of that program.

Bị cáo trình diện tại Trung Tâm Trình Diện Định Kỳ theo chỉ thị của nhân viên quản chế trong \_\_\_\_\_  ngày  tháng, và tuân theo tất cả các điều lệ, quy định khác của chương trình này.

Other:

Điều kiện khác:

**6. Drug Treatment Court - G.S. 15A-1340.11(3a); 15A-1340.11(6)**  
**Tòa Án Phán Quyết Điều Trị Nghiện Ma Túy - G.S. 15A-1340.11(3a); 15A-1340.11(6)**

Comply with the rules adopted for the program as provided for in Article 62 of Chapter 7A of the General Statutes and report on a regular basis for a specified time to participate in court supervision, drug screening or testing, and drug or alcohol treatment programs.

Bị cáo tuân thủ các quy định của chương trình này được nêu trong Điều 62, Chương 7A của Bộ Luật Chung, và trình diện định kỳ trong thời gian chỉ định để được Tòa Án theo dõi, thực hiện xét nghiệm hoặc kiểm tra sàng lọc ma túy, và tham gia các chương trình cai nghiện ma túy hoặc rượu bia.

Other:

Điều kiện khác:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**MANDATORY SPECIAL CONDITIONS FOR SEX OFFENDERS AND PERSONS CONVICTED OF OFFENSES INVOLVING PHYSICAL, MENTAL, OR SEXUAL ABUSE OF A MINOR - G.S. 15A-1343(b2)**  
**CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT BẮT BUỘC ÁP DỤNG CHO NHỮNG NGƯỜI PHẠM TỘI TÌNH DỤC VÀ NGƯỜI BỊ KẾT ÁN TỘI TRẠNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LẠM DỤNG MỘT TRẺ VỊ THÀNH NIÊN VỀ MẶT THỂ CHẤT, TÂM LÝ HOẶC TÌNH DỤC - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** The following are not defined as intermediate punishments under G.S. 15A-1340.11(6).

**LƯU Ý:** Các điều kiện dưới đây không phải là hình phạt trung cấp như được định nghĩa trong G.S. 15A-1340.11(6).

**NOTE:** Select **only one** of the three sets of conditions below.

**LƯU Ý:** Chỉ chọn **một** trong ba nhóm điều kiện dưới đây.

**1. Special Conditions For Reportable Convictions - G.S. 15A-1343(b2)**  
**Các Điều Kiện Đặc Biệt Dành Cho Những Bản Án Cần Báo Cáo - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** Impose only for a reportable conviction under G.S. 14-208.6.

**LƯU Ý:** Chỉ áp dụng các điều kiện này cho những người bị kết án tội thuộc diện cần báo cáo theo G.S. 14-208.6.

The defendant has been convicted of an offense which is a reportable conviction as defined in G.S. 14-208.6(4) and must

Bị cáo bị kết án tội thuộc diện cần báo cáo theo định nghĩa trong điều G.S. 14-208.6(4) và do đó phải:

- a. Register as a sex offender and enroll in satellite-based monitoring if required on the attached AOC-CR-615, Side Two.
- a. Đăng ký vào danh sách những người phạm tội tình dục và ghi danh vào chương trình theo dõi bằng vệ tinh nếu được yêu cầu ở mặt hai của mẫu AOC-CR-615 được đính kèm.
- b. Participate in such evaluation and treatment as is necessary to complete a prescribed course of psychiatric, psychological, or other rehabilitative treatment as ordered by the court.
- b. Tham gia vào các buổi thẩm định và điều trị cần thiết để hoàn tất chương trình điều trị tâm lý, tâm thần hoặc liệu pháp phục hồi khác được chỉ định trong lệnh Tòa Án.
- c. Not communicate with, be in the presence of, or found in or on the premises of the victim of the offense.
- c. Không giao tiếp, hiện diện trước mặt hoặc bị tìm thấy ở trong hoặc xung quanh chỗ của nạn nhân trong vụ án này.
- d. (if the Court finds physical, mental, or sexual abuse of a minor) Not reside in a household with
- d. (nếu Tòa Án xác nhận rằng một trẻ vị thành niên đã bị lạm dụng về mặt thể chất, tâm lý hoặc tình dục) Không sống chung nhà với
  - (1) (for sexual abuse) any minor child.  
(1) (đối với các trường hợp lạm dụng tình dục) bất kỳ trẻ vị thành niên nào.
  - (2) (for physical or mental abuse) any minor child  other than the child(ren) named below, for whom the court expressly finds that it is unlikely that the defendant's harmful or abusive conduct will recur and that it would be in the best interest of the child(ren) named below to reside in the same household with the probationer. (Name minor child(ren) with whom the probationer may reside in the same household): \_\_\_\_\_
  - (2) (đối với các trường hợp lạm dụng về mặt thể chất hay tâm lý) bất kỳ trẻ vị thành niên nào  trừ (các) trẻ được ghi tên dưới đây, vì Tòa Án đã xác nhận rõ ràng hành vi có hại hoặc lạm dụng của bị cáo gần như chắc chắn sẽ không tái diễn và điều có lợi ích tốt nhất cho (các) trẻ em có tên dưới đây là được ở chung nhà với người chịu lệnh quản chế. (Cho biết tên của (các) trẻ vị thành niên mà người bị quản chế có thể sống chung nhà): \_\_\_\_\_
- e. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, of the defendant's vehicle and premises, and of the defendant's computer or other electronic mechanism which may contain electronic data, while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  child pornography  
 \_\_\_\_\_
- e. Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ, nhà ở, máy tính hoặc các thiết bị điện tử khác có thể chứa dữ liệu điện tử của bị cáo mà không cần xin trái khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích dưới đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em  
 \_\_\_\_\_
- f. Other: \_\_\_\_\_
- f. Điều kiện khác: \_\_\_\_\_

**2. Special Conditions For Offenses Involving The Sexual Abuse Of A Minor - G.S. 15A-1343(b2)**  
**Các Điều Kiện Đặc Biệt Dành Cho Người Phạm Tội Liên Quan Đến Việc Lạm Dụng Tình Dục Một Trẻ Vị Thành Niên - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** Impose if offense involved sexual abuse of a minor but is not a reportable conviction.

**LƯU Ý:** Áp dụng các điều kiện này nếu tội trạng liên quan đến việc lạm dụng tình dục một trẻ vị thành niên nhưng không thuộc diện phải báo cáo.

The defendant has been convicted of an offense involving the sexual abuse of a minor and must

Bị cáo bị kết án tội liên quan đến việc lạm dụng tình dục một trẻ vị thành niên và do đó phải

- a. Participate in such evaluation and treatment as is necessary to complete a prescribed course of psychiatric, psychological, or other rehabilitative treatment as ordered by the court.
- a. Tham gia vào các buổi thẩm định và điều trị cần thiết để hoàn tất chương trình điều trị tâm lý, tâm thần hoặc liệu pháp phục hồi khác được chỉ định trong lệnh Tòa Án.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ở vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

- b. Not communicate with, be in the presence of, or found in or on the premises of the victim of the offense.
- b. Không giao tiếp, hiện diện trước mặt hoặc bị tìm thấy ở trong hoặc xung quanh chỗ của nạn nhân trong vụ án này.
- c. Not reside in a household with any minor child. (G.S. 15A-1343(b2)(4))
- c. Không sống chung nhà với bất kỳ trẻ vị thành niên nào. (G.S. 15A-1343(b2)(4))
- d. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, of the defendant's vehicle and premises, and of the defendant's computer or other electronic mechanism which may contain electronic data, while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  child pornography  
 \_\_\_\_\_
- d. Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ, nhà ở, máy tính hoặc các thiết bị điện tử khác có thể chứa dữ liệu điện tử của bị cáo mà không cần xin trát khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích dưới đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em  
 \_\_\_\_\_
- e. Other:
- e. Điều kiện khác:

**3. Special Conditions For Offenses Involving The Physical Or Mental Abuse Of A Minor - G.S. 15A-1343(b2)  
 Các Điều Kiện Đặc Biệt Dành Cho Người Phạm Tội Liên Quan Đến Việc Lạm Dụng Một Trẻ Vị Thành Niên Về Mặt Thể Chất hay Tâm Lý - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** Impose if offense involved physical or mental abuse of a minor but is **not** a reportable conviction and did **not** involve sexual abuse.  
**LƯU Ý:** Áp dụng các điều kiện này nếu tội trạng liên quan đến việc lạm dụng về mặt thể chất hay tâm lý một trẻ vị thành niên nhưng **không** thuộc diện phải báo cáo và **không** liên quan đến việc lạm dụng tình dục.

The defendant has been convicted of an offense involving the physical or mental abuse of a minor and must  
 Bị cáo bị kết án liên quan đến việc lạm dụng về mặt thể chất hay tâm lý một trẻ vị thành niên và do đó phải:

- a. Participate in such evaluation and treatment as is necessary to complete a prescribed course of psychiatric, psychological, or other rehabilitative treatment as ordered by the court.
- a. Tham gia vào các buổi thẩm định và điều trị cần thiết để hoàn tất chương trình điều trị tâm lý, tâm thần hoặc liệu pháp phục hồi khác được chỉ định trong lệnh Tòa Án.
- b. Not communicate with, be in the presence of, or found in or on the premises of the victim of the offense.
- b. Không giao tiếp, hiện diện trước mặt hoặc bị tìm thấy ở trong hoặc xung quanh chỗ của nạn nhân trong vụ án này.
- c. Not reside in a household with
- c. Không sống chung nhà với
  - (1) any minor child.  
(1) bất kỳ trẻ vị thành niên nào.
  - (2) any minor child other than the child(ren) named below, for whom the court expressly finds that it is unlikely that the defendant's harmful or abusive conduct will recur and that it would be in the best interest of the child(ren) named below to reside in the same household with the probationer. (Name minor child(ren) with whom the probationer may reside in the same household):  
 \_\_\_\_\_  
 (2) bất kỳ trẻ vị thành niên nào, trừ (các) trẻ được ghi tên dưới đây, vì Tòa Án đã xác nhận rõ ràng hành vi có hại hoặc lạm dụng của bị cáo gần như chắc chắn sẽ không tái diễn và điều có lợi (ch tốt nhất cho (các) trẻ em có tên dưới đây là được ở chung nhà với người chịu lệnh quản chế. (Cho biết tên của (các) trẻ vị thành niên mà người bị quản chế có thể sống chung nhà):  
 \_\_\_\_\_
- d. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, of the defendant's vehicle and premises, and of the defendant's computer or other electronic mechanism which may contain electronic data, while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  child pornography  
 \_\_\_\_\_
- d. Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ, nhà ở, máy tính hoặc các thiết bị điện tử khác có thể chứa dữ liệu điện tử của bị cáo mà không cần xin trát khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích dưới đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em  
 \_\_\_\_\_
- e. Other:
- e. Điều kiện khác:

**ADDITIONAL CONDITIONS FOR DOMESTIC VIOLENCE  
 CÁC ĐIỀU KIỆN BỔ SUNG CHO CÁC TRƯỜNG HỢP BẠO LỰC TRONG GIA ĐÌNH**

1. Pursuant to its finding that the defendant is responsible for acts of domestic violence, the Court further finds that:  
 Sau khi xác nhận rằng bị cáo đã có hành vi bạo lực trong gia đình, Tòa Án xác nhận tiếp rằng:
- a. there is an abuser treatment program, approved by the Domestic Violence Commission, reasonably available to the defendant, who shall:
    - a. có sẵn một chương trình điều trị người bạo hành được Ủy Ban Xóa Nạn Bạo Lực Gia Đình chấp thuận và tương đối thuận tiện cho bị cáo tham gia, do đó bị cáo phải:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)  
 Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
 (Xem mặt sau)



(1) (for supervised probation) attend and complete (check one)  (program name) \_\_\_\_\_

a program to be identified by the probation officer, and abide by the program's rules. The probation officer shall send a copy of this judgment to the program, which shall notify the officer if the defendant fails to participate or is discharged for violating any of its rules.

(1) (đối với các trường hợp quản chế có giám sát) tham gia và hoàn tất (đánh dấu một lựa chọn)  (tên chương trình) \_\_\_\_\_

một chương trình do nhân viên quản chế chỉ định, và tuân thủ tất cả các quy định của chương trình đó. Nhân viên quản chế sẽ gửi một bản sao của phán quyết này đến chương trình nêu trên, và nơi đó sẽ thông báo cho nhân viên quản chế biết nếu bị cáo không tham gia hoặc bị đuổi ra khỏi chương trình vì vi phạm quy định.

(2) (for unsupervised probation) attend and complete (check one)  (program name) \_\_\_\_\_

a program chosen by the defendant, who shall notify the program and the district attorney of that choice within ten (10) days of the entry of this judgment, and abide by the program's rules. The district attorney shall send a copy of this judgment to the program, which shall notify the district attorney if the defendant fails to participate or is discharged for failure to comply with the program or its rules.

(2) (đối với các trường hợp quản chế không có giám sát) tham gia và hoàn tất (đánh dấu một lựa chọn)  (tên chương trình) \_\_\_\_\_

một chương trình do bị cáo chọn. Bị cáo phải thông báo cho chương trình và công tố viên quận/hạt về lựa chọn của mình trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ban hành phán quyết này, và phải tuân thủ tất cả các quy định của chương trình đó. Công tố viên quận/hạt sẽ gửi một bản sao của phán quyết này đến chương trình nêu trên, và nơi đó sẽ thông báo cho công tố viên biết nếu bị cáo không tham gia hoặc bị đuổi ra khỏi chương trình vì không hợp tác với nhân viên hoặc vi phạm quy định.

b. there is no approved abuser treatment program reasonably available.  c. it would not be in the best interests of justice to order the defendant to complete an abuser treatment program because \_\_\_\_\_

b. không có chương trình điều trị người bạo hành nào được chấp thuận và tương đối thuận tiện cho bị cáo tham gia.  c. việc ra lệnh cho bị cáo hoàn tất một chương trình điều trị người bạo hành không phải là cách tốt nhất để thực thi công lý bởi vì \_\_\_\_\_

2. As additional Special Conditions of Probation, the defendant shall:

Theo các Điều Kiện Quản Chế Đặc Biệt bổ sung, bị cáo phải:

a. not come within \_\_\_\_\_ feet of \_\_\_\_\_ at any time.

a. không tới gần trong vòng \_\_\_\_\_ feet xung quanh \_\_\_\_\_ vào bất kỳ lúc nào.

b. comply fully with any G.S. Chapter 50B Domestic Violence Protective Order in effect.

b. tuân thủ đầy đủ bất kỳ Lệnh Bảo Vệ Vi Bạo Lực Gia Đình nào theo Chương 50B, Bộ Luật Chung hiện có hiệu lực.

The above conditions are incorporated in the "Judgment Suspending Sentence" in the above case(s) and made a part thereof.

Các điều kiện trên được hợp nhất vào "Phán Quyết Ân Treo" trong (các) vụ án nêu trên và được coi là một thành phần của phán quyết.

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Presiding Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Chủ Tọa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge  
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tọa

VUI LÒNG ĐIỂN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số hồ sơ

\_\_\_\_\_ County  
Quận/hạt \_\_\_\_\_

In The General Court Of Justice  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án

District       Superior Court Division  
Khu Vực      Thượng Thẩm

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S)  
(CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**NOTE:** Use this page in conjunction with all NCAOC judgment or probationary forms, to list additional offenses of conviction, deferred prosecution, or conditional discharge addressed in the court's order. There are no A,B,C,D, or other variations of this form, so this page can be used to continue an offense list from any of the related forms, for any date(s) of offense or conviction.

**LƯU Ý:** Sử dụng trang này cùng với tất cả các mẫu phán quyết hoặc mẫu quản chế của NCAOC để ghi thêm các vi phạm đã kết án cũng như các biện pháp hoãn tố hoặc xóa bỏ bản án có điều kiện được nêu trong lệnh của Tòa Án. Mẫu này không có phiên bản A, B, C, D hoặc bất kỳ phiên bản nào khác, do vậy trang này có thể được sử dụng cùng với bất kỳ mẫu liên quan nào để tiếp tục liệt kê các vi phạm xảy ra vào bất cứ ngày vi phạm hoặc ngày kết án nào.

File No.(s) (Các) số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt
VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY							

**\*NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

**\*LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

(Over)  
(Xem mặt sau)

		<b>ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S)</b> <b>(CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG</b>					
File No.(s) (Các) số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

**\*NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

**\*LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).